TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH LINH** TỈNH QUẢNG TRỊ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/ 2018/ HNGĐ – ST
Ngày: 09/11/2018
V/v *" Tranh chấp ly hôn, nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LINH TỈNH QUẢNG TRỊ
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hoàng Văn Chung**
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Trần Thanh Hải**
2. Bà **Trần Thị Nga**

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông **Nguyễn Ngọc Vĩnh** – Thư ký TAND huyện Vĩnh Linh.

Vào ngày 09 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Linh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 134/2018/ TLST – HNGĐ ngày 16/8/2018 về việc *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2018/QĐXX- ST ngày 22 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Nguyễn Thị H** – sinh năm: 1979 (Có mặt)

2. Bị đơn; **Đào T**, sinh năm: 1979 (Vắng mặt)

Đều trú tại: Thôn B, Vĩnh K, Vĩnh Linh, Quảng Trị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn, chị Nguyễn Thị Hiền trình bày: Chị và anh Đào T chung sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VK, VL, Quảng Trị vào năm 2005. Khi về chung sống với nhau hai vợ chồng vẫn hạnh phúc, nhưng vào năm 2015 vợ chồng thường hay xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp, hay cải vã lẫn nhau, anh T không chăm lo gia đình, bỏ bê công việc gia đình thường xuyên vắng nhà không rõ nguyên nhân. Hai người đã sống ly thân nhiều năm. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 03 con chung là cháu Đào Hữu Cát T, sinh 18/9/2005, cháu Đào Thị Trà M sinh 15/5/2007 và cháu Đào Thị Hà T, sinh ngày 29/4/2012, hiện do chị H đang trực tiếp nuôi dưỡng, chị H yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng ba con sau khi ly hôn, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

-Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo như xác nhận của Công an xã Vĩnh K do phía nguyên đơn cung cấp thể hiện: Anh Đào T đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện vẫn đang cư trú tại thôn B, xã Vĩnh K, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị. Quá trình vợ chồng anh T chung sống có mâu thuẫn anh T bỏ đi làm không chăm lo ít khi về thăm gia đình. Công an xã nhiều lần nhận được giấy triệu tập, tống đạt, niêm yết hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh T không chịu hợp tác, cố tình lẫn tránh và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị H, vắng mặt trong các phiên họp và tại phiên tòa.

Tại phiên toà sơ thẩm:Nguyên đơn chị H giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh T vì xác định mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống.

Các cháu Đào Hữu Cát T, cháu Đào Thị Trà M đều có ý kiến cho rằng; Bố mẹ có mâu thuẫn nay bố mẹ cháu ly hôn thì các cháu có nguyện vọng sống cùng với mẹ còn cháu Đào Thị Hà T, sinh ngày 29/4/2012 do cháu chưa đủ 07 tuổi nên không ghi ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Nguyễn Thị H và anh Đào T tranh chấp về ly hôn; Anh T hiện cư trú trên địa bàn huyện Vĩnh Linh. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Linh.

[2] Bị đơn, anh Đào T không có đơn xin xét xử vắng mặt, đã được Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt anh T. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Đào T là hợp pháp vì có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã Vĩnh K, huyện Vĩnh Linh cấp giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị H sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn với lý do tính tình vợ chông không hợp thường xuyên cải nhau và từ tháng 10-2015 cho đến nay thì chị H và anh T không còn chung sống vợ chồng, cũng anh T không còn quan tâm gì đến vợ con, ít khi về nhà bỏ mặc cho chị H nuôi dưỡng ba con chưa thành niên. Mặc dù những nội dung trên do phía chị H cung cấp, có xác nhận của chính quyền địa phương nhưng phía anh T không có ý kiến gì phản đối là từ bỏ nghĩa vụ chứng minh của mình. Hơn nữa, anh T không đến Tòa để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị H nên xem như anh T đã không còn quan tâm đến hôn nhân của vợ chồng và yêu cầu được nuôi con của chị Hiền. Tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: "Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình" và "vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau". Qua đó, Hội đồng xét xử nhận thấy giữa chị H và anh T đã không còn tình nghĩa vợ chồng, tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không còn nên mục đích của hôn nhân không đạt được, vì vậy yêu cầu xin ly hôn của chị H là có căn cứ.

[3] Về con chung: anh T không yêu cầu được nuôi con, cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu nuôi con của chị H. Cháu Đào Hữu Cát T, sinh ngày 18/9/2005, cháu

Đào Thị Trà M sinh 15/5/2007 có nguyện vọng được sống với chị H sau khi cha mẹ ly hôn; cháu Đào Thị Hà T, sinh ngày 29/4/2012 chưa đủ tuổi để Tòa án xem xét nguyện vọng của cháu. Chị H có công việc ổn định, đủ điều kiện để nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Tường, My và Tiên cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu và phù hợp quy định pháp luật.

[4] Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu; anh Toàn không có ý kiến gì về vấn đề này nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H là nguyên đơn khởi kiện vụ án hôn nhân gia đình nên phải chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UNTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H. Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Đào T.

2. Về con chung: Giao các cháu Đào Hữu Cát T, sinh ngày 18/9/2005, cháu Đào Thị Trà M sinh 15/5/2007 và cháu Đào Thị Hà T, sinh ngày 29/4/2012 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Đào T không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Đào T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3.Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000220 ngày 16/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Linh, chị Hiền đã thi hành xong án phí.

Chị Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Đào T vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND huyện Vĩnh Linh;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Linh;
- UBND xã Vĩnh Kim
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

Hoàng Văn Chung